TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2019
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lam.
2. Ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 01/2019/TB - TA ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1992. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Ngân Văn L1, sinh năm 1989.
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2019, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày: Chị L kết hôn với anh Ngân Văn L1 vào ngày 30 tháng 8 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn chị L và anh L1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 05 năm 2014, anh L1 đã dẫn con chung là cháu Ngân Bảo N bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Chị L và gia đình đã tìm kiếm nhiều lần, áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh L1 hiện đang ở đâu và làm gì, nên chị L đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh L1 tại Tòa án nhân dân huyện K và Tòa án

đã tuyên bố anh L1 mất tích. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L mong muốn ổn định cuộc sống nên chị L xin ly hôn với anh Ngân Văn L1.

Về con chung: Chị L và anh Ngân Văn L1 có 02 con chung là cháu Ngân Bảo N, sinh ngày 24/12/2008 và cháu Ngân Hà Ngọc C, sinh ngày 14/8/2011. Nguyện vọng của chị L khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngân Hà Bảo C đến tuổi trưởng thành, còn đối với cháu Ngân Bảo N thì anh L1 là người chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh Ngân Văn L1; Về con chung: Giao cháu Ngân Hà Ngọc C, sinh ngày 14/8/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Đối với cháu Ngân Bảo N, sinh ngày 24/12/2008 do anh L đã dẫn đi khỏi địa phương sau này nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ngân Văn L1 vắng mặt, do anh L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và hiện nay không biết nơi cư trú của anh L1, nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L1.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lò Thị L và anh Ngân Văn L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh L1 đã bỏ đi khỏi địa phương, nên chị L đã khởi kiện xin ly hôn anh L1 tại Tòa án. Như vậy, tranh chấp giữa

chị L và anh L1 là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến tháng 5 năm 2014 thì anh L1 bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì. Năm 2018 chị L đã có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tuyên bố mất tích đối với anh Ngân Văn L1 và Tòa án đã tuyên bố anh L1 mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay anh L1 không quay về và cũng không có ai yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố anh L1 mất tích. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Lan và anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị L được ly hôn anh L, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị L.

- Về con chung: Chị L và anh Lái có 02 con chung là cháu Ngân Bảo N, sinh ngày 24/12/2008 và cháu Ngân Hà Ngọc C, sinh ngày 14/8/2011.

Hiện nay không xác định được cháu Ngân Bảo N đang cư trú ở đâu. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét nghĩa vụ nuôi con đối với cháu N. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với cháu Ngân Hà Ngọc C hiện nay đang sinh sống với chị L và cháu C có nguyện vọng xin được ở với chị L. Do anh L đã bỏ đi khỏi địa phương nên Hội đồng xét xử cần giao cháu C cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu C. Trường hợp anh L quay về hoặc chị L có tin tức xác thực về nơi cư trú của anh L1, thì chị L và anh L1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về phân chia tài sản chung và nợ chung: Do chị Lò Thị L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228 ; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Ngân Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngân Hà Ngọc C, sinh ngày 14/8/2011 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã Ea Đăh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Ngọc San